

Bản án số: 108 /2024/HNGĐ-ST

Ngày: 24-12-2024

Về việc: “Ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Bích Huyền.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Nguyễn Chí Công;
- Bà Quang Kim Cúc.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Phương Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung.

Ngày 24 tháng 12 năm 2024 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Lai Vung xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 367/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2024, về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111 /2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 563/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 06 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn L, sinh năm: 1954 (có mặt); Địa chỉ: 1, ấp Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Bà Lê Cúc M, sinh năm: 1968 (vắng mặt); Địa chỉ: 1, ấp Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo các lời khai có trong hồ sơ cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn L trình bày:

Về hôn nhân: ông Nguyễn Văn L và bà Lê Cúc M quen biết nhau và sống

chung vào năm 2006, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp ngày 04/05/2012. Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do khác biệt nhiều trong cách sống, lối nghĩ nên thường xuyên cãi nhau, khoảng 05 năm gần đây thường xuyên xảy ra mâu thuẫn (trong thời gian 05 năm bà M bỏ đi rồi về khoảng gần 10 lần), dẫn đến mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng không thể giải quyết được nên tháng 7/2021 bà M bỏ nhà về quê ở V sinh sống. Đến giữa năm 2023, bà M quay về tiếp tục chung sống nhưng tình cảm vợ chồng không còn như trước, hay cãi nhau, trong lúc cãi nhau bà M có những lời lẽ không đúng làm ảnh hưởng đến uy tín của ông L, ông L khuyên nhiều lần nhưng bà M không thay đổi. Ông L và bà Lê Cúc M hiện nay vẫn còn sống chung nhà nhưng mạnh ai nấy sống, không có tiếng nói chung, không còn tình cảm gì với nhau. Ông L thấy không còn khả năng đoàn tụ, nhất quyết yêu cầu được ly hôn với bà Lê Cúc M. Về con chung: Không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn bà Lê Cúc M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, không có lý do chính đáng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn giữa ông Nguyễn Văn L với bà Lê Cúc M, đây là vụ án tranh chấp “Ly hôn”. Bị đơn thường trú tại huyện L, tỉnh Đồng Tháp cho nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung theo quy định tại khoản 1, Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Lê Cúc M vắng mặt, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định, vì vậy Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn L và bà Lê Cúc M có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình sống chung vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, do khác biệt nhiều trong cách sống, lối nghĩ nên thường xuyên cãi nhau, khoảng 05 năm gần đây thường xuyên xảy ra mâu thuẫn (trong thời gian 05 năm bà M bỏ đi rồi về khoảng gần 10 lần), dẫn đến mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng không thể giải quyết được. Ông Nguyễn Văn L và bà Lê Cúc M tuy sống chung nhà nhưng tình cảm vợ chồng không còn như trước, hay cãi nhau, trong lúc cãi nhau bà M có những lời lẽ

không đúng làm ảnh hưởng đến uy tín của ông L, ông L khuyên nhiều lần nhưng bà M không thay đổi. Ông Nguyễn Văn L và bà Lê Cúc M mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, ông Nguyễn Văn L nhất quyết xin ly hôn. Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật cho bà Lê Cúc M, bà Lê Cúc M nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, biết ông Nguyễn Văn L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng bà Lê Cúc M không đến Tòa án, cũng không có văn bản phản bác gì đối với yêu cầu của nguyên đơn điều đó thể hiện bị đơn tự từ bỏ quyền phản bác của mình. Hội đồng xét xử căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử đã động viên nhưng ông Nguyễn Văn L vẫn nhất quyết yêu cầu ly hôn với bà Lê Cúc M, bà Lê Cúc M không có thiện chí hòa giải để vợ chồng hàn gắn tình cảm, xét thấy mâu thuẫn của ông Nguyễn Văn L với bà Lê Cúc M ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn L là có căn cứ, đúng theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 56. Ly hôn theo yêu cầu của một bên

*“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”...*

[3] Về con chung: Nguyễn Văn L và Lê Cúc M không có con chung, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản khi ly hôn: Nguyễn Văn L không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ khi ly hôn: Nguyễn Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về tiền tạm ứng án phí, án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nhưng ông Nguyễn Văn L có đơn xin miễn tiền tạm ứng án phí, án phí và thuộc trường hợp được miễn tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn L. Ông Nguyễn Văn L được ly hôn với bà Lê Cúc M.

2. Về con chung: Ông Nguyễn Văn L và bà Lê Cúc M không có con chung, không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản và nợ khi ly hôn: Ông Nguyễn Văn L không yêu cầu giải quyết.

4. Án phí và tạm ứng án phí sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình cho ông Nguyễn Văn L.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án ngày 24/12/2024. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án này được giao cho họ hoặc được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- Chi Cục THADS H. LV;
- UBND xã Định Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Thị Bích Huyền**